

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 573/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2017

V/v: Ly hôn giữa chị V và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Bà Vương Thị Minh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 472/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị V; sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Số nhà 17/36 đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; tạm trú: Số nhà 11/155 đường L, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: Số nhà 17/36 đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; tạm trú: Số nhà 11/155 đường L, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Chị V có mặt tại phiên tòa; Anh B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 02 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị V và anh B tự nguyện kết hôn năm 2002, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N năm 2002. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, anh B nhiều lần

đánh chị và con riêng của chị. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tuấn A (giới tính: Nam), sinh ngày 12-11-1999, hiện nay cháu đang sống cùng với anh chị và đã trưởng thành tự lập, ở với ai là tùy cháu, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng tự giải quyết và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 11 năm 2017 anh Nguyễn Thanh B trình bày:

Về hôn nhân: Anh B thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị Nguyễn Thị V trình bày. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra va chạm cãi chửi nhau, đã có lần chính quyền địa phương phải can thiệp, giải quyết. Chị V cũng từng bỏ nhà đi nhưng được sự động viên của gia đình lại quay về chung sống. Nay chị V xin ly hôn anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tuấn A (giới tính: Nam), sinh ngày 12-11-1999, hiện nay cháu đang sống cùng với anh chị và đã trưởng thành tự lập, ở với ai là tùy cháu, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng: Anh B xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương ngày 29/11/2017 xác định vợ chồng chị V và anh B thường xuyên xảy ra va chạm đánh chửi nhau, nhiều lần chính quyền địa phương phải can thiệp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Ý kiến về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Ý kiến về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân giữa chị V và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, tài sản chung và vay nợ chung chị V không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N năm 2002 nên hôn nhân giữa chị V và anh B là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Vợ chồng nhiều lần đánh chửi nhau và chính quyền địa phương đã phải can thiệp giải quyết. Hiện nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh B cũng đồng ý ly hôn. Tòa án hai lần thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh B vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh B không có thiện chí hoà giải đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh B ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa chị V và anh B theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. Về con chung: Chị V và anh B đều xác nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tuấn A (giới tính: Nam), sinh ngày 12-11-1999, hiện nay con chung đã trưởng thành tự lập, anh chị không đề nghị gì, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị V và anh B xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Án phí sơ thẩm ly hôn: Chị V là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Thanh B.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị V đã nộp tại biên lai số 0000679 ngày 02-11-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Chị Nguyễn Thị V có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Thanh B có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự
- UBND phường V;
- VKSND thành phố N;
- THA Dân sự thành phố N;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Tổng Thị Kim Phụng